

| STT | Nguồn                                 | Tên tài liệu                                                                                      | Tác giả              | Năm xuất bản | Nhà xuất bản         | Số lượng | Giá     | Thành tiền | Ngành                                | Chuyên ngành                            |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------|----------------------|----------|---------|------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Phòng Đào tạo                         | Lý thuyết điện phân kim loại trong dung dịch nước                                                 | Trần Trung Tới       | 2023         | Giao thông vận tải   | 32       | 259500  | 8304000    | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Tuyển khoáng               |
| 2   | Biểu/Lê Văn Hưng                      | Học máy và ứng dụng trong đánh giá nguy cơ xảy ra thiên tai                                       | Lê Văn Hưng          | 2022         | Khoa học và kỹ thuật | 2        | 148000  | 296000     | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Khoa học máy tính ứng dụng |
| 3   | Phòng Đào tạo                         | Kinh tế học vĩ mô                                                                                 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 2023         | Giao thông vận tải   | 182      | 99900   | 18181800   | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh        |
| 4   | Phòng Đào tạo                         | Giáo trình hóa hữu cơ Phần 1                                                                      | Phạm Xuân Núi        | 2023         | Giao thông vận tải   | 32       | 325000  | 10400000   | Ngành Dầu khí                        | Chuyên ngành Lọc hóa dầu                |
| 5   | Phòng Đào tạo                         | Giáo trình hóa hữu cơ                                                                             | Phạm Xuân Núi        | 2023         | Giao thông vận tải   | 32       | 353000  | 11296000   | Ngành Dầu khí                        | Chuyên ngành Lọc hóa dầu                |
| 6   | Phòng Đào tạo                         | Sách hướng dẫn thực tập và viết luận văn tốt nghiệp ngành quản trị kinh doanh                     |                      | 2023         | Giao thông vận tải   | 182      | 61110   | 11122020   | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh        |
| 7   | Phòng xuất bản                        | Những phương pháp khai thác lộ thiên đặc biệt                                                     | Bùi Xuân Nam (ch.b)  | 2022         | Khoa học tự nhiên    | 44       | 115000  | 5060000    | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Khai thác mỏ               |
| 8   | Phòng đào tạo 2023                    | Áp lực mỏ và ổn định lò chợ trong công nghệ khai thác cơ giới hóa hạ trần thu hồi than nóc        | Lê Tiến Dũng         | 2023         | Giao thông vận tải   | 32       | 343200  | 10982400   | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Khai thác mỏ               |
| 9   | Phòng đào tạo 2023                    | Giáo trình công nghệ khai thác cơ giới hoá đồng bộ hạ trần thu hồi than nóc                       |                      | 2023         | Giao thông vận tải   | 32       | 304000  | 9728000    | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Khai thác mỏ               |
| 10  | Mua 2023                              | Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences                                    |                      | 2023         | Springer             | 5        | 5880000 | 29400000   | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Địa chất                   |
| 11  | Tặng 2023 4c, Mua 2020 3c,            | Proceedings of the International Conference on Innovations for Sustainable and Responsible Mining | Bui Tien Dieu        | 2020         | Springer             | 4        | 1900000 | 7600000    | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Khai thác                  |
| 12  | Biểu (2023 biểu thêm 2c) Bùi Xuân Nam | Giáo trình Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên                             | Hồ Sĩ Giao           | 2016         | Bách khoa Hà Nội     | 2        | 50000   | 100000     | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Khai thác                  |

|    |                                                                                                |                                                                                                            |                |      |                      |    |        |          |                                            |                                                             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----------------------|----|--------|----------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 13 | Biểu/Bùi Xuân Nam 2023                                                                         | Giáo trình kỹ thuật môi trường mỏ lộ thiên                                                                 | Hồ Sĩ Giao     | 2015 | Khoa học tự nhiên    | 4  | 50000  | 200000   | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Khai thác                                      |
| 14 | Biểu/Bùi Xuân Nam 2023 2c, 2018 8c                                                             | Giáo trình Các phương pháp chuẩn bị đất đá bằng cơ giới trong khai thác mỏ lộ thiên                        | Bùi Xuân Nam   | 2016 | Khoa học tự nhiên    | 2  | 65000  | 130000   | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Khai thác                                      |
| 15 | Biểu/ Bùi Xuân Nam 10c 2023                                                                    | Tài liệu giảng dạy môn học an toàn, vệ sinh lao động                                                       |                | 2016 | Đại học sư phạm      | 10 |        | 0        | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Khai thác mỏ                                   |
| 16 | Biểu/Bùi Xuân Nam 2c 2023                                                                      | Giáo trình an toàn, vệ sinh lao động                                                                       |                |      | Đại học sư phạm      | 2  |        | 0        | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Khai thác mỏ                                   |
| 17 | Phòng Đào tạo 2023                                                                             | Giáo trình nhập môn ngành địa kỹ thuật xây dựng                                                            |                | 2023 | Giao thông vận tải   | 32 | 310000 | 9920000  | Ngành Khoa học và Kỹ thuật Địa chất        | Chuyên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật             |
| 18 | Phòng đào tạo 2023                                                                             | Giáo trình bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai                                                          |                | 2023 | Giao thông vận tải   | 32 | 330000 | 10560000 | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Quản lý đất đai                                |
| 19 | Phòng Xuất bản 2023                                                                            | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Tóm lược lý thuyết, câu hỏi và bài tập thực hành | Lê Đình Chiều  | 2022 | Khoa học và Kỹ thuật | 30 | 60000  | 1800000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh                            |
| 20 | Tặng 2023/Tập thể tác giả Bm Kỹ thuật địa chất dầu khí. Đại học Bách khoa - Đh Quốc gia Tp HCM | Đánh giá tiềm năng và trữ lượng dầu khí                                                                    |                | 2023 | Đại học Quốc gia     | 3  | 116000 | 348000   | Ngành Dầu khí                              | Chuyên ngành Khoan khai thác                                |
| 21 | Phòng xuất bản 2023                                                                            | Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất                                                                 | Nguyễn Văn Lâm | 2023 | Giao thông vận tải   | 30 | 80000  | 2400000  | Ngành Khoa học và kỹ thuật địa chất        | Chuyên ngành Địa chất thủy văn - Địa chất công trình        |
| 22 | Thầy Phan Văn Lộc tặng 2023                                                                    | Căn bản đo ảnh không gian lập thể số                                                                       | PH-L           | 2023 | Khoa học tự nhiên    | 20 | 250000 | 5000000  | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý |

|    |                     |                                                                 |                      |      |                      |     |        |          |                                            |                                                             |
|----|---------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|------|----------------------|-----|--------|----------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 23 | Phòng đào tạo 2023  | Giáo trình kinh tế và quản trị doanh nghiệp                     |                      | 2023 | Giao thông vận tải   | 167 | 143520 | 23967840 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh                            |
| 24 | Phòng xuất bản 2023 | Giáo trình kế toán máy                                          |                      | 2023 | Giao thông vận tải   | 30  | 70000  | 2100000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Kế toán                                        |
| 25 | Phòng xuất bản 2023 | Giáo trình tin học văn phòng nâng cao                           |                      | 2023 | Giao thông vận tải   | 30  | 75000  | 2250000  | Ngành Công nghệ thông tin                  | Chuyên ngành Tin kinh tế                                    |
| 26 | Phòng đào tạo 2023  | Giáo trình quản lý thuế                                         |                      | 2023 | Giao thông vận tải   | 172 | 170300 | 29291600 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp                           |
| 27 | Phòng xuất bản 2023 | Xử lý dữ liệu đám mây điểm phục vụ thành lập mô hình 3D         |                      | 2023 | Giao thông vận tải   | 30  | 86000  | 2580000  | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Bản đồ                                         |
| 28 | Phòng đào tạo 2023  | Ứng dụng Microsoft Excel trong thống kê kinh tế doanh nghiệp mở | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 2023 | Giao thông vận tải   | 162 | 99960  | 16193520 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh mở                         |
| 29 | Phòng đào tạo 2023  | Giáo trình thiết kế và tổ chức thi công xử lý nền đất yếu       | Nguyễn Thị Nụ        | 2023 | Giao thông vận tải   | 32  | 287000 | 9184000  | Ngành Khoa học và kỹ thuật địa chất        | Chuyên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật             |
| 30 | Phòng đào tạo 2023  | Giáo trình luật kinh tế                                         | Phí Mạnh Cường       | 2023 | Giao thông vận tải   | 182 | 189800 | 34543600 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp                         |
| 31 | Phòng đào tạo 2023  | Giáo trình pháp luật về doanh nghiệp                            | Phí Mạnh Cường       | 2023 | Giao thông vận tải   | 182 | 154440 | 28108080 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp                         |
| 32 | Phòng xuất bản 2023 | Xử lý số liệu quan trắc và dự báo biến dạng công trình          | Phạm Quốc Khánh      | 2023 | Khoa học và kỹ thuật | 30  | 120000 | 3600000  | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Trắc địa mở - Công trình                       |
| 33 | Phòng xuất bản 2023 | Nguyên lý phá hủy                                               |                      | 2023 | Khoa học và kỹ thuật | 30  | 75000  | 2250000  | Ngành Dầu khí                              | Chuyên ngành Khoan khai thác                                |
| 34 | Phòng Đào tạo 2023  | Giáo trình kiểm toán căn bản                                    | Phạm Thu Hương       | 2023 | Giao thông vận tải   | 182 | 127000 | 23114000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Kế toán                                        |
| 35 | Phòng Đào tạo 2023  | Giáo trình cơ sở đo ảnh và viễn thám                            |                      | 2023 | Giao thông vận tải   | 26  | 385000 | 10010000 | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý |

|    |                        |                                                                                                 |                     |      |                              |     |          |          |                                            |                                                             |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------|------------------------------|-----|----------|----------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 36 | Phòng Đào tạo 2023     | Giáo trình cơ sở hệ thống tin địa lý                                                            |                     | 2023 | Giao thông vận tải           | 30  | 310000   | 9300000  | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý |
| 37 | Phòng xuất bản 2023    | Giáo trình kế toán doanh nghiệp thương mại - dịch vụ                                            | Nguyễn Tiến Hưng    | 2023 | Khoa học và kỹ thuật         | 30  | 80000    | 2400000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp                           |
| 38 | Phòng xuất bản 2023    | Giáo trình thuế quốc tế                                                                         | Bùi Thị Thu Thủy    |      | Khoa học và kỹ thuật         | 30  | 60000    | 1800000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp                           |
| 39 | Phòng sau đại học 2023 | Giáo trình các phương pháp hiện đại trong phân tích và xử lý số liệu đo đạc mặt đất và GPS/GNSS | Hoàng Ngọc Hà       | 2023 | Giao thông vận tải           | 32  | 300000   | 9600000  | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Trắc địa                                       |
| 40 | Phòng xuất bản 2023    | Giáo trình phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp                              |                     | 2023 | Giao thông vận tải           | 480 | 30000    | 14400000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh       | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh                            |
| 41 | Sau đại học 2023       | Xử lý dữ liệu GNSS. Lý thuyết, phần mềm và ứng dụng                                             |                     | 2023 | Giao thông vận tải           | 32  | 378000   | 12096000 | Ngành Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | Chuyên ngành Trắc địa mở - Công trình                       |
| 42 | Bùi Xuân Nam tặng 2023 | Kỹ thuật đồ thái đất đá cho các mỏ than lộ thiên vùng Cẩm Phả - Quảng Ninh                      | Nguyễn Tam Tính     | 2023 | Khoa học tự nhiên            | 3   | 180000   | 540000   | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Khai thác mỏ                                   |
| 43 | Phòng Đào tạo 2023     | Công tác quốc phòng và an ninh                                                                  | Trần Bắc Bộ         | 2023 | Giao thông vận tải           | 172 | 138999   | 23907828 | Ngành Khoa học Cơ bản                      |                                                             |
| 44 | Mua TA 2023            | Corrosion Science and Technology                                                                | Talbot David E.J    | 2020 | CRC Press                    | 1   | 5049999  | 5049999  | Ngành Cơ điện                              | Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí                                |
| 45 | Mua TA 2023            | Fundamentals of Electric Circuits                                                               | Alexander Charles K | 2021 | Mc Graw Hill                 | 1   | 5555999  | 5555999  | Ngành Cơ điện                              | Chuyên ngành Điện - Điện tử                                 |
| 46 | Mua TA 2023            | SME Mineral Processing & Extractive Metallurgy Handbook                                         | Dunne Robert C      | 2019 | Society for Mining Engineers | 1   | 14599999 | 14599999 | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Tuyển khoáng                                   |
| 47 | Mua TA 2023            | SME Mineral Processing & Extractive Metallurgy Handbook                                         | Dunne Robert C      | 2019 | Society for Mining Engineers | 1   | 15319999 | 15319999 | Ngành Mỏ                                   | Chuyên ngành Tuyển khoáng                                   |
| 48 | Mua TA 2023            | Dorf's Introduction to Electric Circuits                                                        | Svoboda James A     | 2018 | Wiley                        | 1   | 6865999  | 6865999  | Ngành Cơ điện                              | Chuyên ngành Điện - Điện tử                                 |

|    |                                |                                                                                                                          |                      |      |                |    |         |          |                                      |                                  |
|----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------|----------------|----|---------|----------|--------------------------------------|----------------------------------|
| 49 | Mua TA 2023                    | Engineered Metal Matrix Composites                                                                                       | Magagnin Luca        | 2012 | Nova           | 1  | 9749999 | 9749999  | Ngành Kỹ thuật vật liệu              |                                  |
| 50 | Mua TA 2023                    | Internet of Things for Smart Buildings                                                                                   | Smeenk Harry G       | 2023 | Packt          | 1  | 4884999 | 4884999  | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Tự động hóa         |
| 51 | Mua TA 2023                    | Researching Solutions to Ensure the Effective Excavation of the Drifts                                                   | Dang Van Kien        | 2011 | LAP LamBor     | 1  | 7543999 | 7543999  | Ngành Mỏ                             | Chuyên ngành Khai thác mỏ        |
| 52 | Mua TA 2023                    | Business Data Communications and Networking                                                                              | Fitzgerald Jerry     | 2021 | Wiley          | 1  | 4520000 | 4520000  | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Mạng máy tính       |
| 53 | Mua 2023                       | Giáo trình thiết bị và dụng cụ đo cơ khí                                                                                 | Vũ Toàn Thắng (Ch.b) | 2023 | Bách Khoa H    | 25 | 178000  | 4450000  | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí     |
| 54 | Biểu Quỹ Châu Á 2019; Mua 2023 | Building the internet of things                                                                                          | Kranz, Maciej        | 2017 | Wiley          | 2  | 5869000 | 11738000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh |
| 55 | Mua TV 2023                    | Hướng dẫn đánh giá chất lượng môi trường không khí, nước và đất bằng chỉ số đơn lẻ và chỉ số tổng hợp (Sách chuyên khảo) | Phạm Ngọc Hồ (Ch.b)  | 2015 | Giáo dục VN    | 8  | 40000   | 320000   | Ngành Môi trường                     | Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường |
| 56 | Mua TV 2023                    | Chuyển đổi số trong giáo dục                                                                                             | Hoàng Sỹ Tương       | 2023 | Thông tin và t | 5  | 145000  | 725000   | Ngành Khác                           |                                  |
| 57 | Mua TV 2023                    | Quản lý bán hàng for dummies                                                                                             | Bellah Butch         | 2019 | Công ty sách   | 20 | 155000  | 3100000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh |
| 58 | Mua TV 2023                    | Tin học văn phòng - Tự học nhanh Microsoft Office (Word-Excel)                                                           | Phạm Phương Hoa      | 2023 | Thanh niên     | 10 | 195000  | 1950000  | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm  |
| 59 | Mua TV 2023                    | Hướng dẫn sử dụng Autocad bằng hình ảnh                                                                                  | Phạm Quang Huy       | 2023 | Thanh niên     | 10 | 184000  | 1840000  | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm  |
| 60 | Mua TV 2023                    | Tự học lập trình C# bằng hình ảnh                                                                                        | Phạm Phương Hoa      | 2023 | Thanh niên     | 10 | 180000  | 1800000  | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm  |
| 61 | Mua TV 2023                    | Quy trình bán hàng chuyên nghiệp                                                                                         | Bray Cory            | 2020 | Lao động       | 10 | 119000  | 1190000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh |

|    |             |                                                                                          |                      |      |               |    |        |         |                                      |                                      |
|----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------|---------------|----|--------|---------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 62 | Mua TV 2023 | Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội - Lý thuyết và thực tiễn ở thành phố Hồ Chí Minh | Đỗ Phú Trần Tình     | 2010 | Lao động      | 10 | 36000  | 360000  | Ngành Khác                           |                                      |
| 63 | Mua TV 2023 | Content Marketing trong kỷ nguyên 4.0                                                    | Jutkowitz Alexander  | 2023 | Lao động      | 5  | 169000 | 845000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh     |
| 64 | Mua TV 2023 | Human to human Marketing - Kỷ nguyên mới của truyền thông marketing                      | Kotler Philip        | 2023 | Công thương   | 5  | 209000 | 1045000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh     |
| 65 | Mua TV 2023 | Cơ cấu chấp hành tự động thủy - khí                                                      | Nguyễn Minh Hệ       | 2023 | Bách khoa Hà  | 25 | 154000 | 3850000 | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Máy và tự động thủy khí |
| 66 | Mua TV 2023 | Hướng dẫn lập trình VBA cho Excel                                                        | Phạm Quang Hiền      | 2023 | Thanh niên    | 10 | 178000 | 1780000 | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm      |
| 67 | Mua TV 2023 | Solidworks toàn tập                                                                      | Phạm Quang Huân      | 2022 | Thanh niên    | 5  | 194000 | 970000  | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Công nghệ Chế tạo máy   |
| 68 | Mua TV 2023 | Scada với tia- Portal. Lập trình với S7 1500                                             | Ngô Văn Thuyền       | 2023 | Thanh niên    | 10 | 198000 | 1980000 | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Tự động hóa             |
| 69 | Mua TV 2023 | Giải tích II                                                                             |                      | 2023 | Bách khoa Hà  | 25 | 40000  | 1000000 | Ngành Khoa học Cơ bản                |                                      |
| 70 | Mua TV 2023 | Thực hành kinh tế cơ bản với Eviews                                                      | Nguyễn Văn Tùng      | 2014 | Kinh tế Tp.Hồ | 5  | 59000  | 295000  | Ngành Khoa học Cơ bản                |                                      |
| 71 | Mua TV 2023 | Tiếp thị bằng quan hệ công chúng                                                         | Đinh Công Tiến       | 2008 | Thống kê      | 5  | 120000 | 600000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh     |
| 72 | Mua TV 2023 | Hướng dẫn lập trình C#                                                                   | Nguyễn Tất Bảo Thiện | 2023 | Thanh niên    | 10 | 180000 | 1800000 | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm      |
| 73 | Mua TV 2023 | Tự học nhanh Autocad Electrical                                                          | Nguyễn Văn Phước     | 2023 | Thanh niên    | 10 | 185000 | 1850000 | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Hệ thống điện           |
| 74 | Mua TV 2023 | Hướng dẫn sử dụng Excel - Excel dành cho người tự học                                    | Phạm Quang Hiền      | 2023 | Thanh niên    | 10 | 192000 | 1920000 | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm      |
| 75 | Mua TV 2023 | Hướng dẫn sử dụng Autocad Electrical                                                     | Vũ Văn Hiếu          | 2023 | Thanh niên    | 10 | 192000 | 1920000 | Ngành Cơ điện                        | Chuyên ngành Hệ thống điện           |

|    |                               |                                                                                                   |                     |      |               |    |        |         |                                      |                                         |
|----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------|---------------|----|--------|---------|--------------------------------------|-----------------------------------------|
| 76 | Mua TV 2023                   | Thống kê ứng dụng trong kinh doanh                                                                | Đinh Phi Hồ         | 2018 | Tài chính     | 10 | 85000  | 850000  | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp       |
| 77 | Mua TV 2023                   | Tin học cho mọi người - Giáo trình thực hành Excel                                                | Phạm Quang Hiền     | 2022 | Thanh niên    | 10 | 170000 | 1700000 | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Công nghệ Phần mềm         |
| 78 | Mua TV 2023                   | Thực hành phân tích dữ liệu và lập mô hình kinh doanh trong Excel                                 | Phạm Quang Hiền     | 2023 | Thanh niên    | 10 | 188000 | 1880000 | Ngành Công nghệ thông tin            | Chuyên ngành Khoa học máy tính ứng dụng |
| 79 | Mua TV 2023                   | Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế                    | Đinh Phi Hồ         | 2020 | Tài chính     | 10 | 245000 | 2450000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh        |
| 80 | Mua TV 2023                   | Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ & luận án tiến sĩ                         | Đinh Phi Hồ         | 2021 | Tài chính     | 10 | 690000 | 6900000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh        |
| 81 | Mua TV 2023                   | Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán báo cáo tài chính báo cáo thuế GTGT trên Excel            | Đặng Văn Sáng       | 2020 | Tài chính     | 10 | 387000 | 3870000 | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Kế toán                    |
| 82 | Biểu 2023                     | Đi bộ và sức khỏe                                                                                 | Nguyễn Ngọc Kim Anh | 2022 | Thể thao và d | 4  |        | 0       | Ngành Khác                           |                                         |
| 83 | Biểu 2023                     | Gắn kết du lịch và thể thao                                                                       | Lâm Quang Thành     | 2022 | Gắn kết Thể t | 5  |        | 0       | Ngành Khác                           |                                         |
| 84 | Biểu 2023                     | Phát triển du lịch nội địa ở việt nam                                                             |                     | 2022 | Thể thao và d | 5  |        | 0       | Ngành Khác                           |                                         |
| 85 | Biểu 2023                     | Đại cương thiên phái trúc lâm                                                                     | Mai Thị Thơm        | 2021 | Đại học quốc  | 1  | 150000 | 150000  | Ngành Khác                           |                                         |
| 86 | Biểu 2023                     | Văn Miếu Việt Nam khảo cứu                                                                        | Trịnh Khắc Mạnh     | 2020 | Đại học quốc  | 1  | 280000 | 280000  | Ngành Khác                           |                                         |
| 87 | Biểu Quỹ Châu Á 2023          | HBR's 10 Must Reads: On Entrepreneurship and Startups                                             |                     | 2018 | Harvard Busin | 2  |        | 0       | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh        |
| 88 | Biểu Chính trị Quốc gia, 2023 | Think tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và những gợi ý đối với Việt Nam | Đoàn Trường Thụ     | 2021 | Chính trị Quố | 1  |        | 0       | Ngành Khác                           |                                         |

|    |                                  |                                                                                                        |                   |          |                |             |        |                  |                                      |                                  |
|----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|----------------|-------------|--------|------------------|--------------------------------------|----------------------------------|
| 89 | Biểu ĐHQGHN 2023                 | Từ điển - người thầy dạy tiếng                                                                         |                   | Quốc gia | H              | 1           | 222000 | 222000           | Ngành Khác                           |                                  |
| 90 | Biểu Nxb Chính trị Quốc gia 2023 | Bắc Triều Tiên qua 100 câu hỏi                                                                         | Morillot Juliette | 2021     | Chính trị Quốc | 1           |        | 0                | Ngành Khác                           |                                  |
| 91 | Biểu NXB Chính Trị Quốc Gia 2023 | Đổi mới tư duy phát triển một số vấn đề lý luận và thực tiễn                                           | Trần Quốc Toàn    | 2021     | Chính Trị Quốc | 1           |        | 0                | Ngành Khác                           |                                  |
| 92 | Biểu.NXB chính trị quốc gia 2023 | Giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn | Phạm Văn Linh     | 2021     | Chính trị Quốc | 1           |        | 0                |                                      |                                  |
| 93 | Biểu 2023                        | Người Khơ Mú ở Việt Nam                                                                                |                   | 2020     | Thông Tấn      | 1           |        | 0                |                                      |                                  |
| 94 | Biểu ĐHQGHN 1023                 | Di truyền học hệ thống. Ứng dụng trong y dược hiện đại                                                 | Đinh Đoàn Long    | 2020     | Đại học Quốc   | 1           | 250000 | 250000           | Ngành Khác                           |                                  |
| 95 | Biểu. Chính trị Quốc gia, 2023   | Cương lĩnh 2011: Những vấn đề lý luận và thực tiễn qua 10 năm thực hiện                                |                   | 2021     | Chính trị Quốc | 1           |        | 0                | Ngành Khác ;<br>Ngành Khác           |                                  |
| 96 | Biểu Nxb Chính trị Quốc gia 2023 | Hồ Chí Minh hành trình tìm đường cứu nước                                                              |                   | 2021     | Chính trị Quốc | 1           |        | 0                | Ngành Khác                           |                                  |
| 97 | Biểu ĐHQGHN 2023                 | Các vấn đề tâm lý - xã hội và sức khỏe tâm thần của người cao tuổi trong xã hội hiện đại               | Hoàng Mộc Lan     | 2021     | Đại học Quốc   | 1           | 200000 | 200000           | Ngành Khác                           |                                  |
| 98 | Biểu Nxb ĐHQGHN 2023             | Nợ xấu và các biện pháp bảo vệ quyền lợi của ngân hàng thương mại cho vay ở Việt Nam                   | Lê Thị Thu Thủy   | 2021     | Đại học Quốc   | 1           | 175000 | 175000           | Ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh | Chuyên ngành Quản trị kinh doanh |
|    |                                  |                                                                                                        |                   |          |                | <b>2935</b> |        | <b>554410680</b> |                                      |                                  |